

Số: 59 /KH-THCBT

Ia Lớp, ngày 17 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Công văn số 3819/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023-2024; Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Công văn 1478/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 14/9/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND huyện Ea Súp về Kế hoạch năm học 2023-2024; Công văn 327/PGDĐT ngày 19/9/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Viên chức - NLĐ nhà trường, trên cơ sở phát huy những kết quả nhà trường đã đạt được trong năm học 2022-2023. Trường Tiểu học Cẩm Bá Thước xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022-2023

Năm học 2022-2023 mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, tinh thần đồng thuận, quyết tâm vượt khó của tập thể CB-VC và học sinh, trường Tiểu học Cẩm Bá Thước đã thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và đã đạt được những kết quả cơ bản sau:

1. Trường, lớp, học sinh

- Số điểm trường: 01
- Số lớp 10; số học sinh 232 em; HSĐT: 214, tỉ lệ: 92.2%; Nữ: 107, tỉ lệ: 46,1%; DTN: 99 em, tỉ lệ: 42,7%. Duy trì sĩ số: 232/232, tỉ lệ 100%.
- Số học sinh bỏ học: 0; HSĐT bỏ học: 0
- Tổng số lớp: 10; sĩ số bình quân 23,2 em/lớp;

- Tổng số học sinh học hòa nhập: 0, trong đó không đánh giá: 0

Tổng số học sinh theo khối lớp như sau:

- Lớp 1: 02 lớp/42 em học sinh;
- Lớp 2: 02 lớp/47 em học sinh
- Lớp 3: 02 lớp/52 em học sinh;
- Lớp 4: 02 lớp/51 em học sinh
- Lớp 5: 02 lớp/40 em học sinh
- Học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 35/35 em; tỉ lệ: 100 %

2. Chất lượng học sinh

2.1. Khối lớp 1,2,3

* Đánh giá phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số	Tốt		Đạt		CCG	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	141	55	39.0%	86	61%	0	0
Nhân ái	141	55	39.0%	86	61%	0	0
Chăm chỉ	141	55	39.0%	86	61%	0	0
Trung thực	141	55	39.0%	86	61%	0	0
Trách nhiệm	141	55	39.0%	86	61%	0	0

* Đánh giá năng lực:

Năng lực	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tự chủ và tự học	141	55	39.0%	86	61%	0	0%
Giao tiếp và hợp tác	141	55	39.0%	86	61%	0	0%
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	141	55	39.0%	86	61%	0	0%

* Đánh giá năng lực đặc thù:

Năng lực đặc thù	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Ngôn ngữ	141	55	39.0%	81	57.4%	5	3.5%
Tính toán	141	55	39.0%	81	57.4%	5	3.5%

Khoa học	141	55	39.0%	86	61 %	0	0%
Thảm mĩ	141	55	39.0%	86	61 %	0	0%
Thể chất	141	55	39.0%	86	61 %	0	0%
Tin học	52	20	38.5%	32	61, 5%	0	0%
Công nghệ	52	20	38.5%	32	61, 5%	0	0%

2.2. Khối lớp 4,5

Năng lực	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tự phục vụ, tự quản	91	30	33%	61	67%	0	0%
Hợp tác	91	30	33%	61	67%	0	0%
Tự học và giải quyết vấn đề	91	32	35.2 %	59	64,8 %	0	0%

* Đánh giá phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Chăm học, chăm làm	91	41	45.1%	50	54,9%	0	0%
Tự tin, trách nhiệm	91	42	46,2%	49	53,8%	0	0%
Trung thực, kỉ luật	91	47	51,6%	44	48,4%	0	0%
Đoàn kết, yêu thương	91	47	51,6%	44	48,4%	0	0%

*Kết quả học tập/ HDGD

- Hoàn thành tốt: 87 em = 37,5% (Tăng 0,7 % so với cùng kỳ)
- Hoàn thành: 140 em = 60,3% (Giảm 0,8% so với so với cùng kỳ)
- Chưa hoàn thành: 5 em = 2,2% (Giảm 0,6% so với so với cùng kỳ)

** Năng lực.

- Tốt: 85 em = 36,6 % (Giảm 1% so với cùng kỳ)
- Đạt: 142 em = 61,2 % (Tăng 2% so với cùng kỳ)
- CCG: 5 em = 2,2 (Giảm 0,6 % so với cùng kỳ)

** Phẩm chất.

- Tốt: 102 em = 44% (Tăng 0,8% so với cùng kỳ)
- Đạt: 130 em = 56% (Giảm 6% so với cùng kỳ)
- Cần cố gắng: 0 em = 0 % (Bằng so với cùng kỳ)

***Khen thưởng.**

- Tổng số học sinh khen thưởng: 96 em = 41,3% (**Tăng 5,3% so với NQ là 36%**).

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 227 em = 97,8% (**tăng 1,4% so với NQ là 96%**).

- Tổng số học sinh chưa hoàn thành lớp học : 5 em = 2,2 % (**giảm 0.2% so với cùng kỳ**).

- Tỷ lệ học sinh HTCT Tiểu học là: 40/40 em= 100% (đạt so với NQ)

+ Các phong trào hoạt động khác :

- Phong trào Đội, Sao đã có 04 tập thể lớp và 18 cá nhân thực hiện tốt các hoạt động nền nếp của Liên đội như:

+ Tập thể : Lớp: **Nhất : 1A**

NHÌ: 2A

BA: 1B

KK: 4B

+ Sân chơi Trưng Nguyên Tiếng Việt: 07 em đạt cấp huyện (01 em giải nhất; 01 giải ba; 05 em khuyến khích)

+ Giao lưu “Hùng biện Tiếng Anh ” cấp huyện đạt giải khuyến khích.

3. Kết quả thi đua của cá nhân, tập thể

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Tập thể: Lao động tiên tiến được UBND huyện tặng giấy khen

- Công đoàn: Vững mạnh

- Chi đoàn: Xuất sắc

- Liên đội: Xuất sắc

- CSTĐ cơ sở: 02 người

- Lao động tiên tiến: 15 người

- LĐTT Huyện khen: 04 người

4. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Một số vị trí việc làm còn thiếu chưa đảm bảo cho công tác chuyên môn.

- Các hoạt động tập thể còn ít, một số hoạt động chưa tổ chức được.

- Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc học hành của con em.

*** Nguyên nhân**

Về nhân sự của nhà trường còn thiếu vị trí Gv Tiếng Anh, Gv tin học (*phải hợp đồng thỉnh giảng Gv Tiếng Anh và GV tin học.*)

Cơ sở vật chất chưa đảm bảo, chưa có máy tính để học thực hành môn tin học nên rất khó khăn trong việc dạy và bồi dưỡng học sinh năng khiếu những môn đặc thù và việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cũng gặp không ít khó khăn vì thế không có học sinh mũi nhọn.

Đa số học sinh thuộc hộ nghèo, việc đầu tư học tập cho các em còn hạn chế, mùa khô gia đình đi làm ăn xa nên việc học của con em không được quan tâm đúng mức.

PHẦN II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô trường lớp

- Số lớp: 10 lớp;
- Số học sinh 231 em; Nữ: 107 em, tỉ lệ: 46,33%; HSDT: 215 em, tỉ lệ: 93,07%; NDT: 100 em, tỷ lệ: 43,29%.

- Sĩ số bình quân 23 em/lớp.

Tổng số học sinh theo khối lớp như sau:

- Lớp 1: 02 lớp. 42 em học sinh;
- Lớp 2: 02 lớp. 40 em học sinh
- Lớp 3: 02 lớp. 46 em học sinh;
- Lớp 4: 02 lớp. 52 em học sinh
- Lớp 5: 02 lớp. 51 em học sinh
- Học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 38/38 em; tỉ lệ: 100 %

2. Tình hình đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên

- Tổng số CB-GV-NV: 22 đồng chí. Đạt chuẩn 100%

Trong đó được chia ra:

- + Cán bộ quản lý: 02 đồng chí.
- + Giáo viên trực tiếp giảng dạy: 16 đồng chí (trong đó 2 GV HĐ)
- + Kế toán HĐ: 01 đồng chí.
- + Y tế: 01 đồng chí.
- + Thư viện – Thiết bị: 01 đồng chí. (*hợp đồng*)
- + Bảo vệ: 01 đồng chí.
- Về chuyên môn nghiệp vụ đào tạo của VC-NLĐ:
- + Đại học: 18 đồng chí.
- + Cao đẳng: 00 đồng chí.
- + Đào tạo TC: 01 đồng chí (y tế)
- + Khác: 01 đồng chí (*Bảo vệ*)

3. Về cơ sở vật chất

3.1 Phòng học

- Tổng số phòng học văn hóa 13, tỉ lệ 1,3 phòng/lớp (*trong đó: 10 phòng để học; 01 phòng Tin học 01 phòng TV, 01 phòng mỹ thuật*).
- Phòng kiên cố: 13 phòng.

- Số phòng học được xây mới: 00
- Tổng số phòng thư viện - thiết bị: 02 (phòng học)
- Tường rào bao quanh khuôn viên trường chưa đảm bảo.
- Tổng số nhà vệ sinh đảm bảo cho HS nam và nữ: 01
- Nhà trường đảm bảo nước uống cho học sinh hàng ngày.
- Số phòng học bộ môn: 01; Nhà đa năng: 0

3.2. Trang thiết bị

Thiết bị đồ dùng dạy học chủ yếu là các danh mục được cấp của Bộ theo chương trình thay sách giáo khoa mới.

Máy vi tính: 18 dàn

Loa đài, âm thanh: 01 bộ

Ti vi: 09 chiếc (1 hỏng)

Đồ dùng dạy học: 12 bộ

3.3. Thư viện và sách

Nhìn chung cơ bản đầy đủ các loại sách để GV tham khảo.

Thư viện có tủ sách nhưng phần lớn số sách này do chính phủ cấp dành cho học sinh dân tộc.

Từ thực trạng nêu trên trường Tiểu học Cẩm Bá Thước nhận định những thuận lợi khó khăn khi xây dựng dự thảo kế hoạch năm học 2023-2024.

4. Thuận lợi

- Có cấp ủy chính quyền địa phương, ngành cấp trên luôn quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời.

- Trường có đủ phòng học cho 10/10 lớp học 7 buổi/ tuần. Đa số GV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn (Theo quy định của luật GD - 2019). Tập thể sư phạm có tâm huyết với nghề, đoàn kết, yêu thương nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung của nhà trường.

- Nhận thức về công tác GD trong nhân dân ngày càng được hiểu rõ và nâng cao.

- Ban giám hiệu, các tổ khối và các đoàn thể hoạt động đều tay, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc được giao.

- Học sinh phần đông là ngoan, lễ phép với thầy cô và mọi người; chấp hành tốt nội qui của nhà trường.

- Cơ sở vật chất được xây dựng đầu tư tương đối khang trang, sạch đẹp. Trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Khó khăn

Giáo viên Tiếng Anh, giáo viên Tin học phải hợp đồng thỉnh giảng nên ảnh hưởng đến công tác chuyên môn; còn thiếu phòng bộ môn để học sinh thực

hành, nên ảnh hưởng nhiều tới việc dạy học môn Tiếng Anh và một số môn học khác.

Mặt bằng kiến thức của học sinh không đồng đều, độ tuổi học sinh còn chênh lệch nhiều, tỉ lệ học sinh đúng độ tuổi trên một lớp chưa cao.

Thu nhập của cha mẹ học sinh còn thấp, nhiều gia đình học sinh thuộc diện nghèo, cận nghèo bố, mẹ đi làm ăn xa hoặc thiếu quan tâm giáo dục con em nên công tác quản lý, phối hợp giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

Trường chưa có hệ thống thoát nước nên công tác xây dựng trường học xanh sạch khỏe chưa đảm bảo.

B. NHIỆM VỤ CHUNG

Năm học 2023-2024 là năm học toàn ngành Giáo dục xác định chủ đề năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo là ***“Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”***. Trường TH Cẩm Bá Thước tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) đối với lớp 5.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hợp đồng; bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT cấp tiểu học.

4. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học¹; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

6. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về lựa chọn, cung ứng, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, tài liệu tham khảo theo đúng

¹ Thực hiện đổi mới quản lý, quản trị trường học được quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

quy định; đẩy mạnh công tác kiểm tra việc lựa chọn sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

7. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; Công tác đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh, phòng chống bạo lực học đường.

8. Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học về vị trí, vai trò, ý nghĩa của giáo dục STEM trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục STEM; Tăng cường áp dụng giáo dục STEM trong giáo dục cấp tiểu học nhằm góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM² cho giáo viên.

C. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

1. Quy mô phát triển

- + Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp 1.
- + Duy trì sĩ số: 231 HS/10 lớp; 100% học sinh học 7 buổi/tuần.
- + Huy động 100% trẻ 6-14 tuổi đến trường. Không có học sinh bỏ học.

2. Chất lượng đội ngũ

a. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ

+ Nâng chuẩn, tham gia các phong trào.

- Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua. Làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ; dự giờ đánh giá theo quy định; 100% CBGV không vi phạm đạo đức nhà giáo, không vi phạm pháp luật, không vi phạm chính sách dân số KHH gia đình.

- Tạo điều kiện để CB-GV-NV tham gia các lớp học đào tạo trên chuẩn.

+ Tay nghề đội ngũ:

- Tốt: 80%

- Khá: 20%

+ 100% GVCN LG tham gia thi GV dạy giỏi cấp trường đạt từ công nhận trở lên. Tham gia thi cấp huyện phần đầu có giải 100%.

+ Có đội tuyển học sinh tham gia tất cả các phong trào, các cuộc thi đạt giải các cấp trường, huyện đạt từ công nhận trở lên.

- Tham gia thi GV TPT Đội giỏi cấp huyện phần đầu có giải.

b. Quy chế chuyên môn

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

- Mỗi tổ chuyên môn có 1 sản phẩm STEM.

+ 100% giáo viên thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo chuyên môn của các cấp.

² Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT, ngày 04/8/2023 về triển khai hoạt động giáo dục STEM bậc tiểu học.

+ 100% giáo viên không vi phạm các quy định của ngành về dạy thêm học thêm.

+ 100% giáo viên nghiêm túc thực hiện nền nếp sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn với các hình thức trong tổ khối, cả trường.

- Mỗi tổ có từ 02 - 03 tiết dạy nghiên cứu bài học trở lên.

- Mỗi giáo viên dạy có đánh giá 2-3 tiết/ năm. Dạy giờ ít nhất 12 tiết/ năm. 06 tiết/ học kỳ.

3. Chất lượng giáo dục

- 100% số HS lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 được học chương trình và SGK bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (Riêng môn Mĩ thuật học sách Chân trời sáng tạo).

- Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh:

+ Năng lực: Đánh giá Đạt và Tốt: 97% trở lên

+ Phẩm chất: Đánh giá Đạt và Tốt: 100%.

- 97% trở lên học sinh hoàn thành chương trình lớp học (HS chưa hoàn thành được bồi dưỡng trong hè để hoàn thành).

- 100% HS lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học

- Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường. Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, phần đấu có giải.

- Tham gia thi IOE cấp huyện. Phần đấu có giải.

- Tổ chức thi TNTV cấp trường. Tham gia thi Trạng nguyên cấp huyện (Thi Hội) qua Internet. (Nếu có).

- Thi Viết chữ đẹp cấp trường. 100% lớp có học sinh tham gia. Mỗi lớp có tối thiểu 7 em tham gia.

- Duy trì CLB cờ vua. Hoạt động có hiệu quả.

4. Hoạt động ngoại khóa, lễ hội, công tác Đội - phong trào TNND

- 100% CBGV-NV-HS đều tham gia xây dựng “Công trường an toàn, văn minh”.

- 100% học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa theo quy mô lớp, khối, 7trường. Phần đấu đạt giải các cuộc giao lưu cấp huyện và cấp tỉnh.

- 100% đội viên – SND tham gia các phong trào kế hoạch nhỏ, nuôi heo đất.

- 100% đội viên – SND tham gia ngày hội sắc màu.

- 100% đội viên – SND thực hiện tốt phong trào ba tốt.

- 100% đội viên – SND thực hiện nói lời hay làm việc tốt.

- 100% đội viên – SND tham gia chương trình Xuân tình nguyện mua lịch tết.

- Tham gia công tác từ thiện, nhân đạo.

5. Công tác kiểm tra

- 100% các hoạt động đều được cập nhập, triển khai kịp thời, thường xuyên tra cứu các văn bản pháp quy.

- 100% giáo viên được kiểm tra đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp.

- 100% CB-GV-NV đều thực hiện đúng quy chế chuyên môn, Quy tắc ứng xử,

6. Công tác khảo thí nghiên cứu khoa học - Kiểm định chất lượng

- Tiếp tục hoàn thiện việc kiểm định chất lượng giáo dục .
- 100% HS đều được kiểm tra định kì đúng quy định, điểm khảo sát quản lí trên phần mềm trực tuyến, sử dụng sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục học sinh điện tử.

- 100% GV được tham gia xây dựng ngân hàng đề.

- 20% trở lên CB-GV-NV đăng kí danh hiệu CSTĐ thi đua có đề tài SKKN

7. Công tác phổ cập

- Điều tra, cập nhật số liệu hàng năm từ 0 tuổi đến chết

- Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học phần đầu duy trì mức độ III.

- Không có học sinh bỏ học và tái mù chữ.

8. Ứng dụng CNTT; Thông tin, báo cáo

- 100% CB- GV- NV ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý dạy và học.

- 100% các công văn đi đến đều thực hiện lưu trữ theo đúng quy định.

9. Công tác an toàn, an ninh trường học

- Đạt tiêu chuẩn trường an toàn về an ninh trật tự theo thông tư 23/2012/TT-BCA quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự”.

- 100% học sinh được khám sức khỏe, có sổ theo dõi, tham gia bảo hiểm y tế, không mắc tệ nạn xã hội, không có bạo lực học đường.

10. Công tác thi đua

+ Tập thể: - LĐTT - UBND huyện tặng giấy khen.

- Công đoàn vững mạnh - LĐLĐ huyện khen

- Chi đoàn xuất sắc - Đoàn xã khen

- Liên đội xuất sắc - HĐĐ huyện khen

+ Cá nhân:

- LĐTT: đạt < 70%

- CSTĐCS: 02 đồng chí .

D. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

I. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lí; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước. Nâng cao ý thức, trách nhiệm và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho học sinh, nhân

viên, giáo viên, cán bộ quản lý (HS, NV, GV, CBQL) trong trường học; tăng cường công tác phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội để tổ chức quản lý, giáo dục học sinh bảo đảm an toàn, hiệu quả, đặc biệt là phòng ngừa tai nạn thương tích, đuối nước, phòng, chống bạo lực học đường, tăng cường giáo dục sức khỏe tinh thần, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho HS, NV, GV, CBQL.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

- Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo quy định³; và hướng dẫn của Sở GDĐT⁴, Phòng GDĐT⁵; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn nhằm bảo đảm mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh; xây dựng kế hoạch giáo dục STEM, giáo dục địa phương, tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số (DTTS); tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường, giáo dục bảo tồn động vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng,...

- Trên cơ sở kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đã được xây dựng, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

³ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 959/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 07/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện CTGDPT cấp tiểu học.

⁴ Công văn số 959/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 07/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện CTGDPT cấp tiểu học.

⁵ Công văn số 212/PGDĐT-TH ngày 08/7/2021 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

**) Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4*

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học⁶, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định⁷; bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc⁸, các môn học tự chọn⁹ theo quy định của CTGDPT 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học tăng buổi, trên cơ sở dạy học đúng, đủ nội dung và thời lượng các môn học bắt buộc theo quy định của chương trình, nhà trường chủ động xác định nội dung, lựa chọn hình thức tổ chức, bố trí dạy tăng thời lượng (7-8 buổi/tuần) phù hợp cho môn học tự chọn, hoạt động củng cố, tăng cường tiếng Việt và hoạt động giáo dục khác.

**) Đối với lớp 5*

Trên cơ sở CTGDPT 2006, giao quyền chủ động cho các đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT¹⁰, cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học linh hoạt, hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, địa phương, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trên

⁶ Công văn số 708/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 25/5/2020 Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp tiểu học; Công văn 67/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 18/01/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk - lớp 1; Công văn số 2016/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 02/12/2022 của Sở GD-ĐT về việc hướng dẫn thực hiện tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk- lớp 2; Công văn 1432/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 22/9/2020 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/3020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn 435/UBND-GDDT ngày 30/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

⁷ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

⁸ Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ 1 (lớp 3, lớp 4), Hoạt động trải nghiệm.

⁹ Tiếng dân tộc thiểu số (Tiếng Êđê), Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh tự chọn lớp 1 và lớp 2), Tiếng Pháp

¹⁰ Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 1537/SGDĐT-GDTrH ngày 06/11/2017 về việc hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn 959/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 07/7/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 212/PGDĐT-TH ngày 08/7/2021 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

nguyên tắc: bảo đảm yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

- Thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đáp ứng yêu cầu chương trình lớp 6 theo CTGDPT 2018¹¹. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng và tạo tâm thế cho học sinh lớp 5 sẵn sàng học lớp 6.

3. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1

- *Đối với lớp 3 và lớp 4:* Triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học bắt buộc môn tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ cho 100% học sinh từ năm học 2023-2024¹² đảm bảo các yêu cầu quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, UBND huyện¹³.

- *Đối với lớp 5:* Tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006; sử dụng sách giáo khoa, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT¹⁴. xây dựng những giải pháp tiếp cận Chương trình môn Tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 một cách linh hoạt, phù hợp, tạo tâm thế sẵn sàng cho học sinh học lên lớp 6 theo

¹¹ Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 1333/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 8/9/2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018; Công văn 296/PGDĐT ngày 09/09/2021 của Phòng GDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.

¹² Công văn số 309/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 15/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học.

¹³ Môn Tiếng Anh thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về Chương trình giáo dục phổ thông và Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn 435/UBND-PGDĐT ngày 30/03/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học;

¹⁴ Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy Tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

chương trình mới.

Tiếp tục tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh cho giáo viên và học sinh¹⁵: khuyến khích thực hiện xã hội hóa trên cơ sở các quy định của pháp luật để tăng thời lượng học tiếng Anh; dạy học một phần hoặc toàn phần chương trình giáo dục bằng tiếng Anh đối với môn Toán và môn Khoa học; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh thông qua hình thức đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, tổ chức sân chơi, giao lưu; phát động phong trào giáo viên các môn học khác tham gia cùng học tiếng Anh với học sinh; tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học tiếng Anh qua truyền hình và các phương tiện truyền thông phù hợp; xây dựng các Câu lạc bộ tiếng Anh trong trường học.

Thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học ngoại ngữ để tăng cường thời lượng học; dạy học ngoại ngữ qua các chủ đề Toán và Khoa học. Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT¹⁶.

- Sách giáo khoa (SGK) Tiếng Anh, Tin học lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và Danh mục SGK đã được UBND tỉnh phê duyệt¹⁷. Lớp 5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013 về chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT, Sở GDĐT về sách giáo khoa, tài liệu dạy học tiếng Anh

4. Dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3: thực hiện dạy học Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk, lớp 1, lớp 2, lớp 3 đã được Bộ GDĐT phê duyệt, Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện¹⁸. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, cần

¹⁵ Kế hoạch số 34/KH-SGDĐT ngày 09/6/2021 của Sở GDĐT về việc Tổ chức dạy học tiếng Anh tăng cường trong các trường phổ thông và tổ chức hoạt động làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

¹⁶ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

¹⁷ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

¹⁸ Quyết định số 2440/QĐ-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1414/QĐ-

chú ý lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương; phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

Đối với lớp 4: thực hiện dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” theo quy định của CTGDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Tài liệu dạy học tham khảo từ Tài liệu giáo dục địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 558/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018 về việc Hướng dẫn dạy học tài liệu địa phương trong trường phổ thông; Phương pháp dạy học tham khảo từ SGK Lịch sử và Địa lý lớp 4 nhà trường lựa chọn sử dụng.

Đối với lớp 5: Tiếp tục thực hiện dạy học tài liệu địa phương theo Quyết định số 558/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018 về việc Hướng dẫn dạy học tài liệu địa phương trong trường phổ thông.

Kế hoạch tổ chức thực hiện dạy học nội dung giáo dục địa phương (lớp 1, lớp 2, lớp 3) và nội dung giáo dục “Địa phương em” (lớp 4) được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

5. Triển khai giáo dục STEM

Chủ động phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM, STEAM, STREAM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai nội dung giáo dục STEM bậc tiểu học tại đơn vị quản lý; tham gia, tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, chuyển giao phương pháp, kỹ thuật về giáo dục STEM; rà soát, tham mưu các cấp bố trí đội ngũ (đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp), cơ sở vật chất, phòng phục vụ học tập, thiết bị, vật tư phục vụ các hoạt động giáo dục STEM tại đơn vị¹⁹.

- Đẩy mạnh tổ chức bài học STEM, thông qua hình thức dạy học tích hợp nội môn hoặc liên môn (đây là nội dung giáo dục STEM chủ yếu trong nhà trường nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học). Số lần tổ chức bài học STEM trong năm học tối thiểu 02 bài học/học kì/lớp (đối với lớp học thực hiện giáo dục STEM năm thứ nhất). Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM thông qua mô hình câu lạc bộ, ngày hội STEM, dự án học tập STEM hoặc hoạt động trải nghiệm STEM tại

BGDĐT ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đắk Lắk; Công văn 67/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 18/01/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk - lớp 1; Công văn 2016/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 02/12/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk - lớp 2.

¹⁹Kế hoạch số 57/KH-SGDĐT ngày 31/7/2023 của Sở GDĐT về việc triển khai hoạt động giáo dục STEM cấp Tiểu học; Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT, ngày 04/8/2023 về triển khai hoạt động giáo dục STEM bậc tiểu học; Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT, ngày 04/8/2023 về triển khai hoạt động giáo dục STEM bậc tiểu học

các địa điểm phù hợp với mục tiêu, sở thích, năng khiếu và nguyện vọng của học sinh nhằm tạo hứng thú và động lực học tập, góp phần phát triển năng lực, phẩm chất, bồi dưỡng đam mê, năng khiếu cho học sinh phù hợp với điều kiện của đơn vị và thực tế tại địa phương. Thông qua quá trình tổ chức dạy học các bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, phát hiện các học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng, tạo điều kiện thuận lợi cho các em tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Kế hoạch giáo dục STEM được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng linh hoạt những thành tố tích cực của mô hình trường học mới²⁰; phương pháp học thông qua chơi; phương pháp Bàn tay nặn bột²¹; giáo dục STEM; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới²²; vận dụng “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp;... chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên²³.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

Đối với học sinh lớp 5, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kì các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra,

²⁰ Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017 và Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 về việc rà soát, đảm bảo các điều kiện thực hiện mô hình trường học mới.

²¹ Công văn số 1342/SGDĐT-GDTH ngày 28/10/2013 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện dạy học bằng phương pháp Bàn tay nặn bột trong trường tiểu học.

²² Công văn số 723/SGDĐT-GDTH ngày 01/6/2016 của Sở GDĐT về việc triển khai dạy học Mĩ Thuật.

²³ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; Công văn số 708/SGDĐT-GDTH ngày 15/5/2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học.

đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học²⁴.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và nâng cao hiệu quả các phương pháp dạy học. Khuyến khích giáo viên tích cực nghiên cứu ứng dụng các phần mềm, công cụ hỗ trợ để quản lý, đánh giá thường xuyên, tránh gây áp lực cho học sinh (*OLM, Azota, Kahoot, ClassDojo...*); nghiêm túc thực hiện đánh giá thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong quá trình đánh giá²⁵.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá và bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng; đánh giá khách quan, chính xác việc đáp ứng mục tiêu cần đạt của học sinh đối với chương trình môn học; kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

II. Thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Học sinh bỏ học xây dựng kế hoạch, phối hợp với các đoàn thể địa phương vận động học sinh bỏ học những năm học trước tiếp tục ra lớp hoặc tham gia các lớp học linh hoạt; hỗ trợ kịp thời những học sinh khó khăn có nguy cơ bỏ học cao.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT²⁶; Kế hoạch

²⁴ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

²⁵ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

²⁶ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung

số 741/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Ea Súp về Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung các nguồn lực để xây dựng, nâng cao cả về số lượng và chất lượng trường tiểu học nhằm đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tạo nền tảng vững chắc thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hướng đến chuẩn hoá nền giáo dục trên toàn quốc.

2. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1

a) Dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số

- Đối với lớp 1: Sử dụng tối đa thời gian sau ngày tựu trường và đầu năm học để tổ chức dạy làm quen, tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS; dạy tăng thời lượng môn Tiếng Việt tối thiểu từ 4 tiết/tuần; tổ chức ôn tập, củng cố giúp học sinh đạt được các năng lực đọc, viết, nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của chương trình²⁷; sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, học liệu, các tiện ích, phần mềm, hình ảnh;

- Đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4: Tổ chức ôn tập, củng cố tiếng Việt cho học sinh sau kì nghỉ hè; thực hiện dạy tăng thời lượng môn Tiếng Việt tối thiểu 2 tiết - 3 tiết/tuần²⁸, giúp học sinh đạt được các năng lực đọc, viết, nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Đối với lớp 5: Xây dựng kế hoạch tăng cường tiếng Việt tối thiểu 2 tiết/tuần nhằm ôn tập, củng cố cho học sinh DTTS; đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt được các năng lực đọc viết, nói, nghe tiếng Việt theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục các môn học/hoạt động giáo dục đối với lớp 5 Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đáp ứng yêu cầu chương trình lớp 6 Chương trình giáo dục phổ thông 2018²⁹. Nhà trường, giáo viên chủ động xây dựng các giải pháp phù hợp, hiệu quả để tăng cường tiếng Việt trong các môn học/hoạt

học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

²⁷Nội dung bài học tăng cường tiếng Việt được thể hiện trong kế hoạch môn học, kết hợp tài liệu Hướng dẫn dạy học Em nói tiếng Việt lớp 1- Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS; tái sử dụng bộ tranh tăng cường tiếng Việt của Dự án PEDC để thực hiện tăng cường tiếng Việt. Học sinh đạt được các năng lực trong từng bài học văn (kỳ I) trước khi chuyển sang học tập đọc (kỳ II), với phương châm “học đến đâu, chắc đến đấy”.

²⁸ Công văn số 798/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 07/6/2021 về việc triển khai thực hiện các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số từ năm học 2021-2022.

²⁹ Công văn số 1333/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 8/9/2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.

động giáo dục³⁰.

- Thực hiện dạy học đúng, đủ nội dung chương trình các môn học/hoạt động giáo dục theo quy định; quan tâm tăng cường tiếng Việt trong các môn học/hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá nhằm phát huy phát huy năng lực, phẩm chất học sinh DTTS; sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, học liệu, các tiện ích, phần mềm, hình ảnh để nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt³¹.

b) Tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt

Xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt trong gia đình, nhà trường, cộng đồng; xây dựng thói quen đọc sách thông qua việc tổ chức các hoạt động thư viện trong nhà trường; tăng cường tổ chức giao lưu tiếng Việt, sân chơi Trạng Nguyên tiếng Việt qua internet, thi kể chuyện; xây dựng và khai thác có hiệu quả môi trường tiếng Việt trong và ngoài lớp học (trang trí lớp học có tranh ảnh, góc cộng đồng địa phương,... có bảng thuyết minh bằng tiếng Việt).

3. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

a) Đối với trẻ khuyết tật (nếu có)

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản³² quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Các đơn vị xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục người khuyết tật của địa phương. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật. Tùy từng dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục đích giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Tham mưu với cấp có thẩm quyền địa phương để thực hiện đầy đủ các chính sách³³ đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập và đối với các đơn vị có học sinh khuyết tật học hòa nhập. Thúc đẩy công tác giáo dục hòa nhập ở địa phương bảo đảm

³⁰ Tài liệu Hướng dẫn dạy học tăng cường tiếng Việt lớp 5 – Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS.

³¹ Nội dung bài học tăng cường tiếng Việt được thể hiện trong kế hoạch môn học. Sử dụng hiệu quả tài liệu Hướng dẫn dạy học Em nói tiếng Việt lớp 1; Tài liệu Hướng dẫn dạy học tăng cường tiếng Việt lớp 2; Hướng dẫn dạy học tăng cường tiếng Việt lớp 3; Hướng dẫn dạy học tăng cường tiếng Việt lớp 4; Hướng dẫn dạy học tăng cường tiếng Việt lớp 4 (dành cho học sinh, giáo viên và phụ huynh vùng DTTS) – Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS.

³² Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật;

³³ Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Công văn số 1175/SGDĐT-KHTC ngày 12/08/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật, theo khoản 2, Điều 7 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

quyền được học, được tiếp cận với giáo dục đối với trẻ em khuyết tật.

b) Đối với trẻ em lang thang cơ nhỡ (nếu có)

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức các lớp học linh hoạt cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ (nếu có) theo kế hoạch dạy học và thời khóa biểu được điều chỉnh phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của địa phương. Nội dung học tập cần tập trung vào các môn Toán, Tiếng Việt nhằm rèn kỹ năng đọc, viết và tính toán cho học sinh. Căn cứ số lượng trẻ có thể tổ chức thành các lớp cùng trình độ hoặc các lớp ghép không quá hai trình độ. Đánh giá học sinh có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định³⁴.

III. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Chuẩn hoá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục và linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý bảo đảm hiệu quả hoạt động của tổ bộ môn, quy chế sinh hoạt chuyên môn, nhà trường.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng tại đơn vị, địa phương theo phương thức bồi dưỡng trực tuyến, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông³⁵.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới. Dự kiến phân công giáo viên dạy học lớp 5 năm học 2024-2025 để tập trung bồi dưỡng để sẵn sàng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có.

³⁴ Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

³⁵ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 20/8/2018 ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; 4530/BGDĐT-NGCBLGD về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của BGDĐT về việc ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Rà soát, đề xuất nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo quy định³⁶.

Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về niêm yết, công khai thông tin về giá vật tư, thiết bị giáo dục, sách giáo khoa bảo đảm công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật giá và các văn bản có liên quan.

Tăng cường tự làm và sử dụng thiết bị, học liệu, phần mềm, bài giảng điện tử phục vụ dạy học; tổ chức thi tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học; sử dụng có hiệu quả thiết bị được mua sắm; *“không để tình trạng thiết bị đến trường mà không ra lớp”*.

b) Tổ chức lựa chọn, triển khai sách giáo khoa lớp 5

Sử dụng bộ SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 được UBND tỉnh phê duyệt³⁷, cơ sở giáo dục đã đề xuất lựa chọn. Thực hiện đúng quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024 - 2025 và trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trong trường tiểu học theo quy định³⁸; tham gia bồi dưỡng, tập huấn sử dụng sách giáo khoa.

Thực hiện các giải pháp để hỗ trợ SGK cho học sinh thuộc đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, học sinh hộ nghèo và cận nghèo; huy động các nguồn lực xã hội đảm bảo tất cả học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, không để học sinh nào bị thiếu sách giáo khoa trước khi vào năm học mới.

c) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

³⁶ Công văn số 4470/BGDĐT-CSVC ngày 28/9/2018 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn trong cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Căn cứ Quyết định 1436/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025; Công văn số 8462/UBND-KGVX ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 Đề án bảo đảm CSVC cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Đề án sắp xếp tổ chức lại mạng lưới các cơ sở GDMN, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 -2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 1816/SGDĐT-KHTC ngày 20/11/2019 của Sở GDĐT về việc bố trí kinh phí mua sắm thiết bị dạy học lớp 1 phục vụ Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; Công văn số 264/SGDĐT-KHTC ngày 09/3/2021 của Sở GDĐT về việc đảm bảo cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học lớp 2, lớp 6 phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 236/SGDĐT-KHTC ngày 01/3/2022 về việc đảm bảo CSVC và mua sắm thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

³⁷ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 4 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh.

³⁸ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Tiếp tục chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường; Thực hiện nhân rộng mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; vận dụng triển khai một cách linh hoạt và hiệu quả theo các văn bản của Sở GDĐT³⁹; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến;

Tiếp tục triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Phòng GDĐT⁴⁰ nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”⁴¹ và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, Sở GDĐT, Sở GDĐT, UBND huyện và Phòng GDĐT⁴².

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn,... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

³⁹ Kế hoạch số 46/KH-SGDĐT ngày 30/5/2018 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Công văn số 1401/SGDĐT-GDTH ngày 09/10/2017 của Sở GDĐT về hướng dẫn công tác thư viện trường tiểu học; Công văn số 1005/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 19/7/2021 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2021 – 2022; Công văn số 769/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 01/6/2021 về việc hướng dẫn triển khai thư viện thân thiện trường tiểu học.

⁴⁰ Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022, Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021; Công văn số 117/PGDĐT ngày 24/4/2023 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

⁴¹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

⁴² Công văn số 2122/SGDĐT-GDTH-GDMN về việc hướng dẫn số hóa và quản lý hồ sơ trong cơ sở giáo dục tiểu học; Công văn số 1074/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 03/7/2023 về việc triển khai sử dụng phần mềm trực tuyến và học bạ điện tử đối với GDMN và TH; Công văn số 529/PGDĐT, ngày 29/12/2021 về việc hướng dẫn số hóa và quản lý hồ sơ trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Thực hiện cập nhật, quản lý hồ sơ trường học trên hệ thống vnEdu, Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kịp thời, hiệu quả, đúng thời gian quy định.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

IV. Tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho GDĐT, trong đó, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực được huy động để chuyển hoá thành chất lượng giáo dục của nhà trường; Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định⁴³, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội,... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường và đảm bảo các điều kiện dạy học, nghiêm túc thực hiện các khoản thu theo quy định⁴⁴.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với nhà trường và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; chủ động liên kết với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân và gia đình học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của đơn vị theo quy định của pháp luật; được tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường phải bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

V. Đẩy mạnh công tác truyền thông

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới CTGDPT 2018, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và công tác chuẩn bị đổi

⁴³ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

⁴⁴ Công văn số 1374/SGDĐT-KHTC ngày 23/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu và chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh năm học 2023-2024.

với lớp 5 theo lộ trình. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục viết bài và đưa tin về các hoạt động của Ngành việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học lên trang thông tin đơn vị,... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

VIII. Công tác khác

1. Quản lý tài chính

- Thực hiện đúng các quy định Công văn số 1579/SGDDĐT-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở GDĐT Đắk Lắk về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu và chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2023-2024. Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sử dụng nguồn tài chính vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Thu- Chi đảm bảo nguyên tắc tài chính. Hệ thống hoá đơn chứng từ kế toán đúng quy định. Thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Văn thư

- Sắp xếp, tổng hợp các loại hồ sơ sổ sách có liên quan đến công tác văn thư; đánh máy, in ấn, giao nộp, theo dõi các loại văn bản liên quan đến công tác thông tin báo cáo và các loại văn bản khác.

- Nhân viên văn thư quản lý, sử dụng các con dấu đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

3. Thư viện-Thiết bị

- Thường xuyên rà soát lại các thiết bị, đồ dùng dạy học. Sử dụng kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc sử dụng đồ dùng dạy học, thiết bị và các loại tài liệu của giáo viên; trong đó, chú ý việc quản lý, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình giáo viên sử dụng ti-vi, đầu đĩa, máy tính.

- Thường xuyên tuyên truyền phụ huynh, học sinh bổ sung đầu sách vào “thư viện thân thiện” của từng lớp. Hướng dẫn HS nâng cao ý thức và thói quen đọc sách hàng ngày trong thư viện nhà trường; thư viện lớp học đặc biệt là việc hướng dẫn HS kĩ năng sử dụng tủ mục lục thư viện để lựa chọn sách theo nhu cầu đọc.

- Giáo viên cần hướng dẫn sử dụng sách, vở hàng ngày để học sinh không phải mang theo nhiều sách, vở khi tới trường; sử dụng có hiệu quả sách và tài

liệu của thư viện nhà trường. Khuyến khích các nhà trường tổ chức cho học sinh để sách vở, đồ dùng học tập tại lớp. Phát huy tốt vai trò của ban học tập trong việc quản lý các loại vở giúp GV thực hiện các nhiệm vụ chung.

- Hướng dẫn tuyên truyền cho phụ huynh để học sinh sử dụng sách, tài liệu tham khảo đồng bộ theo hướng dẫn của SGD và Phòng Giáo dục đào tạo Đắk Lắk: Toán, tiếng Việt thực hành; luyện viết; KNS; Phiếu bài tập tiếng Anh; ...

4. Y tế học đường

- Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác Y tế trường học cụ thể sát với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ, tủ thuốc để kịp thời giải quyết các bệnh thông thường và sơ cấp cứu cho học sinh.

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh, CB,VC và NLĐ; phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện phong trào “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- Chuẩn bị phòng y tế với đầy đủ trang thiết bị (khẩu trang y tế, trang phục bảo hộ y tế, thiết bị đo thân nhiệt, dung dịch sát khuẩn, hóa chất, ...); một phòng cách ly y tế, đồng thời xây dựng phương án cụ thể, đảm bảo sẵn sàng thực hiện cách ly khi có trường hợp nghi nhiễm COVID-19.

5. Bảo vệ

- Trục cơ quan ngoài giờ hành chính (kể cả thứ bảy, chủ nhật); Kiểm tra việc ra vào cơ quan theo quy định.

- Bảo quản tài sản cơ quan, sửa chữa CSVC nhỏ kịp thời; đảm nhiệm công tác an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, công tác dân quân tự vệ của cơ quan.

- Thực thi các nhiệm vụ nhằm phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học theo phân công của hiệu trưởng.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Dự thảo kế hoạch tổ chức Hội nghị CB-VC và NLĐ để xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá nhiệm vụ năm học theo từng tháng, từng tuần và triển khai, tổ chức kiểm tra, đôn đốc cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện có hiệu quả. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể cho từng tổ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kế hoạch đã đặt ra.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Cán bộ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, công khai tài chính của đơn vị.

- Cùng Ban chấp hành Công đoàn tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ, Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ và Nghị quyết Hội nghị CB-VC và người lao động của đơn vị đã nêu trên và định ra những việc tiếp tục thực hiện.

2. BCH Công đoàn nhà trường

- Phối hợp với chính quyền tổ chức tốt Hội nghị CB-VC và NLD và các đợt thi đua; vận động toàn thể công đoàn viên thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu đề ra. Tổ chức sơ kết, tổng kết kịp thời các phong trào thi đua.

- Cùng chính quyền tham gia quản lý các hoạt động của đơn vị theo luật Công đoàn.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Phát hiện và kiến nghị với Hiệu trưởng các biện pháp giải quyết để thực hiện tốt hoạt động giáo dục trong năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

3. TPT Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

- Đổi mới nội dung phương pháp hoạt động Đội, công tác nhi đồng phát huy quyền tham gia của trẻ em trong công tác Đội, đẩy mạnh phong trào thi đua trong hoạt động của Liên đội.

4. Phụ trách chuyên môn, Tổ chuyên môn

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường bộ phận chuyên môn, tổ khối xây dựng kế hoạch năm, học kì, tháng phù hợp để thực hiện hiệu quả.

- Tập trung thực hiện việc điều chỉnh nội dung dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức và kĩ năng của chương trình; đẩy mạnh việc soạn giảng theo khung kế hoạch bài học tại số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021; đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức hình thức dạy học theo nhóm để mọi học sinh đều “được học” và “học được”, tạo điều kiện để học sinh trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau về những kiến thức mà các em đã thu nhận được trong các hoạt động học tập, giúp các em mạnh dạn hơn, tự tin hơn trong quá trình học tập.

- Nâng cao hiệu quả trong việc giúp đỡ học sinh yếu ngay trong tiết học, bồi dưỡng học sinh giỏi. Tăng cường dự giờ rút kinh nghiệm tiết dạy; nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn mới, nội dung sinh hoạt nhằm giải quyết các vấn đề về chuyên môn.

- Tăng cường bồi dưỡng nội dung các chuyên đề. Tổ chức trong năm ít nhất 3 chuyên đề, nhằm giải quyết các vướng mắc về chuyên môn, nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên.

- Đổi mới việc kiểm tra đánh giá học sinh, đánh giá thường xuyên đối với các môn đánh giá bằng nhận xét và kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận

đối với các môn ghi điểm. Có biện pháp giúp đỡ để đội ngũ tự học tự rèn, bên cạnh đó có biện pháp khống chế bằng thi đua, nhưng cá nhân không thực hiện tốt trong việc nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn.

- Sinh hoạt tổ khối chuyên môn mới đúng định kỳ 2 lần/tháng để rút kinh nghiệm từng mặt theo từng thời điểm sinh hoạt khác nhau.

5. Giáo viên, nhân viên

- Chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của đơn vị.

- Đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trên cương vị công tác của mình, góp phần xây dựng đơn vị phát triển.

- Trên cơ sở bàn giao học sinh cuối năm các giáo viên chủ nhiệm phân loại, nắm bắt cụ thể thông tin từng học sinh từ đó kế hoạch để bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu đúng đối tượng.

- Có tác phong giao tiếp đúng mực, tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, giữ vững kỷ cương nề nếp, đảm bảo ngày giờ công lao động. Nâng cao tính chủ động, tinh thần tự học, tự rèn, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung.

- Tích cực tham mưu, phản ánh kịp thời tình hình thực hiện của đơn vị và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng đúng nơi, đúng lúc./.

Nơi nhận:

- PGDDT (thay b/c);
- UBND xã Ia Lốp(thay b/c);
- CB-GV-NV(thực hiện)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thị Hương